

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 27/2025/DS-PT

Ngày: 23 - 01 - 2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Sơn Nữ Phà Ca

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Kim Chi

Bà Đặng Thị Ánh Bình

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Cao Ngọc Quý – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:** Bà Lữ Thị Tuyết Lan - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 407/2024/TLPT-DS ngày 09 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 178/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 421/2024/QĐ-PT ngày 13 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Tuyết N; Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

*Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Lê Thị Tuyết N (Giấy uỷ quyền ngày 18/8/2023):*

1. Ông Đỗ Hiếu N1; Địa chỉ: Tổ C, ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

2. Ông Nguyễn Thanh T; Địa chỉ: ấp L, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng P; Địa chỉ: E P, phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

*Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng P: Ông Trần Hồ N2; Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long; Địa chỉ liên hệ: Số A, đường N, phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (Giấy uỷ quyền ngày 28/8/2023).*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Hà Quốc B; Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.*

*Người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hà Quốc B: Ông Đỗ Hiếu N1; Địa chỉ: Tổ C, ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. (Giấy uỷ quyền 18/7/2024).*

Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng P.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại Đơn khởi kiện ngày 21/8/2023, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 15/7/2024 và quá trình tố tụng giải quyết vụ án, nguyên đơn do người đại diện Đỗ Hiếu N1 trình bày:*

Nguyên đơn với bị đơn có mối quan hệ quen biết với nhau, do cần tiền làm ăn nên bà Nguyễn Thị Hồng P có thỏa thuận vay của bà Lê Thị Tuyết N số tiền 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) vào ngày 29/8/2022, theo đó các bên thỏa thuận lãi suất 3%, thời hạn vay 10 ngày, hình thức giao nhận tiền chuyển khoản vào số tài khoản 19029010020017 tại Ngân hàng T1 của bà Nguyễn Thị Hồng P. Hai bên thống nhất, bà N nhờ chồng là Hà Quốc B chuyển khoản cho bà P số tiền 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) vào tài khoản nêu trên, sau đó bà P có lập giấy mượn nợ ghi đúng ngày chuyển tiền vay 29/8/2022. Ngoài ra ngày 18/11/2022, bà N cho bà P vay thêm khoản tiền 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng), lãi suất 3%. Sau khi vay 02 khoản nợ trên bà P không thực hiện nghĩa vụ đóng lãi nên bà N đòi lại nợ gốc và lãi nhưng bà P không thanh toán, đến ngày 04/01/2023 bà P viết cam kết xin trả dần đến 30/3/2023 trả đủ nợ gốc và lãi. Từ ngày bà P viết cam kết trả nợ đến ngày 30/3/2023 bà P không trả nợ vốn và lãi như cam kết. Vì vậy bà Lê Thị Tuyết N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Hồng P trả số nợ 2.000.000.000 đồng vay ngày 29/8/2022

và 700.000.000 đồng vay ngày 18/11/2022 và yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng đến khi thanh toán dứt nợ.

Tại Bản tự khai ngày 30/9/2024 của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Lê Thị Tuyết N là ông Đỗ Hiếu N1 yêu cầu rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 700.000.000 đồng.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng P đã uỷ quyền cho ông Trần Hồ N2:* Đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án nhưng hết thời hạn theo thông báo bị đơn không cung cấp văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có đơn yêu cầu phản tố để bù trừ hoặc loại trừ trách nhiệm trả nợ, không cung cấp chứng cứ để phản bác lại ý kiến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Toà án đã thông báo triệu tập hợp lệ bị đơn tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải nhiều lần nhưng bị đơn cố tình vắng mặt không tham dự nên Toà án lập biên bản hoãn và biên bản không tiến hành hoà giải được; Tòa án thông báo kết quả công khai chứng cứ cho bị đơn biết và đưa vụ án ra xét xử.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Quốc B trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:*

Ông B xác định vợ ông là bà Lê Thị Tuyết N có cho bà Nguyễn Thị Hồng P vay tiền 2.700.000.000 đồng là tài sản chung vợ chồng. Nay bà N khởi kiện yêu cầu bà P trả cho bà N số tiền đã cho vay, ông B thống nhất và cùng ý kiến để bà N khởi kiện đòi bà P tiền cho vay, ông B không yêu cầu gì. Ông B uỷ quyền cho ông Đỗ Hiếu N1 làm đại diện tham gia tố tụng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 178/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 40, 147, Điều 217 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định án phí và lệ phí Tòa án; Áp dụng các Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu của nguyên đơn khởi kiện đòi bị đơn khoản tiền vay 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng). Nguyên đơn được quyền khởi kiện lại vụ kiện dân sự khác theo quy định của pháp luật.

- Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng P có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Lê Thị Tuyết N số tiền nợ vay 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) và nợ lãi 415.000.000 đồng (Bốn trăm mười lăm triệu đồng). Tổng cộng vốn gốc và lãi 2.415.000.000 đồng (Hai tỷ, bốn trăm mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí sơ thẩm; nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 31 tháng 10 năm 2024, bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng P có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 178/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Anh Nghĩa là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Tuyết N và anh N2 là người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Hồng P đã thỏa thuận được với nhau về nội dung vụ án. Anh Nghĩa là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Tuyết N yêu cầu bị đơn bà Hồng P trả nợ vốn vay 2.000.000.000 đồng và lãi phát sinh từ ngày 21/8/2023 đến ngày 30/9/2024 bằng số tiền 220.780.000 đồng. Tổng cộng vốn lãi là 2.220.780.000 đồng và anh N2 là người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Hồng P đồng ý trả vốn lãi theo yêu cầu trên của nguyên đơn là 2.220.780.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức, thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa. Sửa bản án dân sự sơ thẩm.

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng P có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Lê Thị Tuyết N số tiền vốn là 2.000.000.000 đồng và lãi 220.780.000 đồng. Tổng cộng vốn lãi là 2.220.780.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng P phải chịu 76.415.000 đồng và bà P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Lê Thị Tuyết N là ông Nguyễn Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông T.

[2] Tại phiên tòa: Anh Nghĩa là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Tuyết N và anh N2 là người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Hồng P đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Anh Nghĩa là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Tuyết N yêu cầu bị đơn bà Hồng P trả nợ vốn vay 2.000.000.000 đồng theo biên nhận vay ngày 29/8/2022 và lãi phát sinh từ ngày 21/8/2023 đến ngày 30/9/2024 bằng số tiền 220.780.000 đồng. Tổng cộng vốn lãi là 2.220.780.000 đồng. Anh N2 là người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Hồng P thay đổi yêu cầu kháng cáo và đồng ý trả vốn lãi theo yêu cầu của nguyên đơn là 2.220.780.000 đồng.

Xét sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật hoặc đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự và sửa bản án dân sự sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 76.415.600 đồng.

Bà Nguyễn Thị Hồng P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền bà P nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu số 7424 ngày 12/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V sẽ được khấu trừ. Sau

khi khấu trừ buộc bà P nộp tiếp số tiền án phí là 76.115.600 đồng (Bảy mươi sáu triệu một trăm mười lăm ngàn sáu trăm đồng).

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm tuyên về đình chỉ giải quyết yêu cầu của nguyên đơn khởi kiện đòi bị đơn khoản tiền vay 700.000.000 đồng. Nguyên đơn được quyền khởi kiện lại vụ kiện dân sự khác theo quy định của pháp luật và hoàn trả tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho nguyên đơn bà N không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308, Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức, thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng P. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 178/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ các Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Tuyết N:

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng P có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Lê Thị Tuyết N số tiền vốn vay 2.000.000.000 đồng và tiền lãi 220.780.000 đồng. Tổng cộng vốn, lãi là 2.220.780.000 đồng (Hai tỷ hai trăm hai chục triệu bảy trăm tám chục ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 76.415.600 đồng.

Bà Nguyễn Thị Hồng P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền bà P nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu số 7424 ngày 12/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V sẽ được khấu trừ. Sau khi khấu trừ buộc bà P nộp tiếp số tiền án phí là 76.115.600 đồng (Bảy mươi sáu triệu một trăm mười lăm ngàn sáu trăm đồng).

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm tuyên về đình chỉ giải quyết yêu cầu của nguyên đơn khởi kiện đòi bị đơn khoản tiền vay 700.000.000 đồng. Nguyên đơn được quyền khởi kiện lại vụ kiện dân sự khác theo quy định của pháp luật và hoàn trả tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho nguyên đơn bà N không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Nơi nhận:*

- CA: 01;
- TACC: 01;
- VKSND TVL: 02;
- TAND TP.V: 01;
- Chi Cục THADS TP.V: 01;
- Đương sự: 03;
- HCTP: 01;
- KTNV: 01;
- Lưu: 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Sơn Nữ Phà Ca**